

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HC-ST
Ngày: 09 - 8 -2023
V/v: Khiếu kiện quyết định và hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phan Thị Sơn.
2. Nguyễn Thế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HC ngày 28/02/2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2023/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Hữu M, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ D, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Giấy ủy quyền được công chứng số 000438, quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/3/2023).

2. Người bị kiện: Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

chỉ: Quốc lộ E, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Huy H – Phó Chủ tịch UBND Bà Ngô Thị Trúc P1 – Công chức địa chính – Xây dựng – Đô thị - Môi trường phường (vắng mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ D, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Giấy ủy quyền được công chứng số 000439, quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/3/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm người khởi kiện ông Lê Hữu M, người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Ngọc P trình bày:

Ông Lê Hữu M yêu cầu Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai là quyền sử dụng đất diện tích 40.733,1m² thửa đất số 267, 61 và 68 tờ bản đồ số 31 tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa vợ chồng ông và công ty CP T. Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất ông M đăng ký kê khai 5,4ha, nhưng thực tế sử dụng khoảng 07ha. Trong đó, có quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đất đổi với diện tích 12.170m² theo Quyết định số 7367/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T; diện tích 7.366,5m² theo Quyết định số 10098/QĐ-UBND ngày 21/11/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; còn quyền sử dụng đất diện tích 40.733,1m² thửa 267,61 và 68 tờ bản đồ 31 tại phường P yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai thuộc phần đất được phê duyệt bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 4684/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T. Thu hồi đất chỉ hỗ trợ công trình, cơ quan nhà nước không có quyết định thu hồi đất, không bồi thường về đất cho ông M. Diện tích 40.733,1m² thửa 267, 61, 68 tờ bản đồ 31 tại phường P ông M đang sử dụng, hiện nay đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty CP T, công ty đã xây dựng trụ sở, công trình tạm, hàng rào, trồng cây xanh. Vì vậy ông M khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với công ty CP T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Để có đủ điều kiện khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án, ngày 07/12/2022, ông M có đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai theo giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ngày 07/12/2022. Ngày 15/02/2023, ủy ban nhân dân phường P ban hành văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023, không tổ chức hòa giải cơ sở theo đơn của ông M, không có bất kỳ buổi làm việc nào với ông M.

Nay ông M khởi kiện Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân phường P và hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P về việc không tổ chức hòa giải cơ sở đối với tranh chấp đất đai theo đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông Lê Hữu M là trái pháp luật.

Hủy Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân phường P về việc giải quyết đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông Lê Hữu M.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P tổ chức hòa giải cơ sở đối với tranh chấp đất đai đối với diện tích 40.733,1m² thửa 267,61 và 68 tờ bản đồ 31 tại phường P, theo đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông Lê Hữu M theo

quy định pháp luật.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và Công văn số 297/UBND-ĐC ngày 05/6/2023 người bị kiện Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Huy H, bà Ngô Thị Trúc P1 trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P giữ nguyên nội dung văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023. Tại dự án khu công nghiệp P, hộ ông M sử dụng diện tích 40.733,1m² để canh tác nuôi trồng thủy sản thuộc một phần thửa đất số 61, 68, 267 tờ bản đồ địa chính số 31 theo hồ sơ địa chính thể hiện là đất công thổ (loại đất hoang bằng) do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Do đó, hộ ông M không đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng đã được Ủy ban nhân dân huyện B, hỗ trợ cho ông M theo Quyết định số 4684/QĐ-UBND ngày 11/9/2015. Ngày 05/10/2015, hộ ông M đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho công ty CP T từ ngày 05/10/2015 để đầu tư xây dựng dự án khu công nghiệp C 3.

Về cơ sở pháp lý, theo hồ sơ địa chính vị trí khu đất ông M gửi đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai thuộc các thửa đất số 61, 68, 267 tờ bản đồ số 31, là đất nhà nước quản lý, do đó ông M không thuộc đối tượng tranh chấp cũng như không có quyền tranh chấp.

Về nghĩa vụ sử dụng đất, dự án khu công nghiệp C 3 ông M đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 4684/QĐ-UBND ngày 11/9/2015, và bàn giao mặt bằng cho công ty CP T. Diện tích 40.733,1m² thuộc một phần thửa đất số 61, 68, 267 tờ bản đồ địa chính số 31 hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 177982 ngày 15/12/2017 cho công ty CP T theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Như vậy, ông M không còn quyền, nghĩa vụ sử dụng đất theo khoản 24 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Ngọc P trình bày: Bà K đồng ý với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông M.

4. Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Huỳnh Ngọc P xác định ông M kiện người có thẩm quyền ban hành Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023, việc xác định văn bản ban hành với tư cách Ủy ban nhân dân phường P hay Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định. Ông Lê Hữu M1 nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các bên đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đơn đề nghị hòa giải cơ sở ngày 07/12/2022 ông M nộp tại Ủy ban nhân dân phường P nơi có đất tranh chấp là đúng thẩm quyền. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P căn cứ nguồn gốc đất thuộc nhà nước quản lý, và đã công

nhận quyền sử dụng đất cho công ty CP T để từ chối hòa giải tranh chấp đất đai làm mất quyền khởi kiện của người dân, là vi phạm quy định tại Điều 202, 203 của Luật Đất đai. Mặt khác, không có bất kỳ văn bản nào quy định trường hợp phải từ chối hòa giải. Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 chỉ có một phần nội dung thuộc đối tượng khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M hủy một phần Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P phần nội dung Ủy ban nhân dân phường không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai cho ông M; tuyên hành vi không tiến hành hòa giải cơ sở của Chủ tịch là trái pháp luật; buộc chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định pháp luật. Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thời hiệu khởi kiện, đối tượng bị kiện, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ngày 07/12/2022 ông Lê Hữu M, bà Nguyễn Thị K có đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai đề ngày 07/12/2022, yêu cầu Ủy ban nhân dân phường P tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông M, bà K và công ty CP T đối với quyền sử dụng đất diện tích 40.733,1m² thuộc một phần thửa đất số 61, 68, 267 tờ bản đồ địa chính số 31 tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 15/02/2023, Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P ban hành Văn bản số 73/UBND-ĐC về việc giải quyết đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông M. Ngày 16/02/2023, Tòa án nhận đơn khởi kiện ngày 16/02/2023 của ông Lê Hữu M khởi kiện hành vi không tổ chức hòa giải cơ sở tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Xét hành vi không tổ chức hòa giải cơ sở tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P thể hiện tại Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023, thì thấy: Văn bản số 73/UBND-ĐC ban hành để giải quyết đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông M, có nội dung “...*Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông M, bà K...*” đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng hành chính; Điều 202 của Luật đất đai thì hành vi không tổ chức hòa giải cơ sở tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 phần nội dung: “Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông M, bà K” là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đối với phần nội dung hướng dẫn ông M khiếu nại, khiếu kiện Quyết định

số 4684/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 tại Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật tổ tụng hành chính, nên Hội đồng xét xử không xem xét phần nội dung này.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Người bị kiện: Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 ban hành để giải quyết đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông M. Căn cứ Điều 202 của Luật đất đai, khoản 9 Điều 3 của Luật tổ tụng hành chính, người bị kiện được xác định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P. Người khởi kiện ông M xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân phường P là chưa phù hợp với quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Theo Đơn khởi kiện ngày 16/02/2023, người khởi kiện ông M xác định công ty CP T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo đơn đề nghị về việc không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ngày 06/6/2023 của ông Huỳnh Ngọc P người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông P không yêu cầu triệu tập công ty CP T tham gia tố tụng trong vụ án. Xét thấy, đây là vụ án hành chính khởi kiện hành vi hành chính không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, Tòa án không giải quyết tranh chấp đất đai giữa các bên. Căn cứ khoản 10 Điều 3 của Luật tổ tụng hành chính, Tòa án không đưa công ty CP T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ông Nguyễn Hữu V, và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Huy H, bà Ngô Thị Trúc P1 vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Người khởi kiện ông Lê Hữu M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, và có người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Ngọc P tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện, ông M, bà K, ông H, bà P1.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông M.

[4] Về thẩm quyền: Đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai ngày 07/12/2022 của ông M, bà K nộp tại Ủy ban nhân dân phường P nơi có đất tranh chấp. Ngày 15/02/2023, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ký thay mặt chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Văn bản số 73/UBND-ĐC trả lời đơn đề nghị của ông M là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 202 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi bổ sung Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

[5] Về nội dung: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P không hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn yêu cầu của ông M, bà K thì thấy:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P căn cứ hồ sơ địa chính thể hiện diện tích 40.733,1m² thuộc một phần thửa đất số 61, 68, 267 tờ bản đồ địa chính số 31 là đất công thổ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Ông M nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 4684/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T, và bàn giao đất, bàn giao mặt bằng cho công ty CP T. Quyền sử dụng

đất tranh chấp hiện đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 177982 ngày 15/12/2017 cho công ty CP T theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, để cho rằng ông M không còn quyền, nghĩa vụ sử dụng đất theo khoản 24 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013 để không thực hiện hòa giải cơ sở, thì thấy: Quyết định số 4684/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 177982 ngày 15/12/2017 đều là quyết định hành chính có thể bị khiếu nại, hoặc khởi kiện theo quy định pháp luật như ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P.

Xét thấy, quyền sử dụng đất 40.733,1m² thửa đất số 61, 68, 267 tờ bản đồ địa chính số 31 tại xã P, huyện T (nay là phường P), thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ông M, bà K yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông M, bà K và công ty CP T chưa được hòa giải cơ sở tại Ủy ban nhân dân phường nơi có đất.

Căn cứ khoản 24 Điều 3 của Luật đất đai quy định: “*Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai*”.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 202 của Luật đất đai quy định: “*2. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải.*

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình; trong quá trình tổ chức thực hiện phải phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai...”.

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai quy định: “*Tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà không thành thì được giải quyết như sau:*

1. Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết;

2. Tranh chấp đất đai mà đương sự không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này thì đương sự chỉ được lựa chọn một trong hai hình thức giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định sau đây:

a) Nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự;...”

Ông M, bà K khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án, vì vậy Ông M, bà K có đơn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P để làm cơ sở khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với công ty CP T. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P cho rằng ông M, bà K không có quyền, nghĩa vụ sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp và ban hành Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 có nội dung: “Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai

theo yêu cầu của ông M, bà K” là vi phạm quy định Điều 202, 203 của Luật đất đai.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu M hủy một phần Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phần nội dung: “Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông M, bà K”; hành vi không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P là trái pháp luật; buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu M nhận, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 31, 116, 157, 158, 193, khoản 1 Điều 206 và Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 202, 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu M

1. Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không thực hiện tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai đối với quyền sử dụng đất diện tích 40.733,1m² thuộc một phần thửa đất số 61, 68, 267 tờ bản đồ địa chính số 31 tại xã P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai ngày 07/12/2022 của ông Lê Hữu M, bà Nguyễn Thị K là trái pháp luật.

2. Hủy một phần Văn bản số 73/UBND-ĐC ngày 15/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, phần nội dung: “Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông M, bà K”.

3. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai đối với quyền sử dụng đất diện tích 40.733,1m² thuộc một phần thửa đất số 61, 68, 267 tờ bản đồ địa chính số 31 tại xã P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai ngày 07/12/2022 của ông Lê Hữu M, bà Nguyễn Thị K theo quy định pháp luật.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Hữu M số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006805 ngày

24/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/8/2023), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Việt Hà